

ĐỀ THI THỬ NGHIỆM
(Đề này có 4 trang)

Mã đề 002

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Câu 41. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết khu vực nào sau đây có lượng mưa trung bình năm thấp nhất nước ta ?

- A. núi cao Tây Bắc. B. núi thấp Đông Bắc. C. ven biển cực Nam Trung Bộ. D. Tây Nguyên.

Câu 42. Nhà máy thủy điện nào sau đây **không** thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ ?

- A. Vĩnh Sơn. B. Rào Quán. C. Sông Hinh. D. A Vương.

Câu 43. Ở vùng Bắc Trung Bộ, cà phê được trồng chủ yếu tại

- A. Thanh Hoá, Nghệ An. B. Nghệ An, Quảng Trị.
C. Quảng Bình, Quảng Trị. D. Nghệ An, Hà Tĩnh.

Câu 44. Vùng biển mà Nhà nước Việt Nam có chủ quyền hoàn toàn về mặt thăm dò, khai thác, bảo vệ và quản lí tài nguyên là

- A. vùng lãnh hải. B. vùng thềm lục địa. C. vùng nội thủy. D. vùng đặc quyền kinh tế.

Câu 45. Tính chất ẩm của khí hậu nước ta là do ảnh hưởng sâu sắc bởi

- A. vĩ độ địa lí. B. giáp với Biển Đông. C. địa hình nhiều đồi núi. D. gió mùa mùa Đông.

Câu 46. Khó khăn lớn nhất do sự tập trung lao động đông ở các đô thị lớn ở nước ta là

- A. bảo vệ môi trường. B. đảm bảo phúc lợi xã hội.
C. khai thác tài nguyên thiên nhiên. D. giải quyết việc làm.

Câu 47. Ở nước ta, tình trạng thiếu việc làm là nét đặc trưng của khu vực

- A. đồng bằng. B. trung du. C. nông thôn. D. miền núi.

Câu 48. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, hai tỉnh có sản lượng nuôi trồng thủy sản nhiều nhất nước ta (năm 2007) là:

- A. An Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu. B. An Giang, Đồng Tháp.
C. Kiên Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu. D. Kiên Giang, An Giang.

Câu 49. Đảo **không** nằm trong vùng vịnh Bắc Bộ của nước ta là

- A. Cồn Cỏ. B. Vân Đồn. C. Cô Tô. D. Cái Bàu.

Câu 50. Vùng có thể mạnh nhất trong phát triển tổng hợp kinh tế biển ở nước ta là

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Đông Nam Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 51. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, trung tâm công nghiệp **không** thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng là

- A. Việt Trì. B. Hải Dương. C. Phúc Yên. D. Thái Nguyên.

Câu 52. Đặc điểm nào sau đây **không** nổi bật ở đồng bằng châu thổ sông Hồng ?

- A. Thủy triều lấn sâu vào mùa cạn. B. Vùng trong đê không được bồi tụ phù sa.
C. Có hệ thống đê bao ngăn lũ. D. Bề mặt đồng bằng bị chia cắt thành từng ô.

Câu 53. Việc đảm bảo an ninh lương thực ở nước ta là cơ sở để

- A. chuyển dịch cơ cấu cây trồng. B. thúc đẩy các hoạt động công nghiệp, dịch vụ.
C. chuyển dịch cơ cấu kinh tế. D. đa dạng hoá sản xuất nông nghiệp.

Câu 54. Yếu tố nào **không** phải là nguyên nhân chính gây ngập lụt ở đồng bằng sông Hồng ?

- A. Mưa bão trên diện rộng.
- B. Triều cường.
- C. Lũ nguồn từ các hệ thống sông lớn.
- D. Mật độ xây dựng cao.

Câu 55. So với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có

- A. gió mùa Đông Bắc ảnh hưởng giảm sút hơn.
- B. tính chất nhiệt đới giảm dần.
- C. nhiều loại thực vật cận xích đạo hơn.
- D. đồng bằng châu thổ mở rộng.

Câu 56. Phân bố dân cư chưa hợp lí ảnh hưởng rất lớn đến việc

- A. sử dụng lao động, khai thác tài nguyên.
- B. khai thác tài nguyên, nâng cao dân trí.
- C. khai thác tài nguyên, đào tạo nhân lực.
- D. sử dụng lao động, đào tạo nhân lực.

Câu 57. Khí hậu có mùa đông lạnh của Trung du và miền núi Bắc Bộ là thế mạnh đặc biệt để phát triển các cây có nguồn gốc

- A. ôn đới, nhiệt đới.
- B. cận nhiệt, nhiệt đới.
- C. cận nhiệt, ôn đới.
- D. cận nhiệt, cận xích đạo.

Câu 58. Phát biểu nào sau đây **không** phải là tác động của quá trình đô thị hoá đến sự phát triển kinh tế – xã hội nước ta ?

- A. Làm giảm tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên.
- B. Làm chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế.
- C. Tỉ lệ dân cư thành thị tăng nhanh.
- D. Tạo thêm việc làm cho người lao động.

Câu 59. Trong phát triển công nghiệp theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ, ngành thuộc cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng và phải đi trước một bước là

- A. khai thác dầu khí.
- B. năng lượng.
- C. cơ khí.
- D. giao thông vận tải.

Câu 60. Vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc sử dụng và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. người dân cần chủ động sống chung với lũ.
- B. cần phải duy trì và bảo vệ tài nguyên rừng.
- C. đẩy nhanh việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế.
- D. đảm bảo nguồn nước ngọt vào mùa khô.

Câu 61. Vùng Tây Nguyên có thể trồng được cây chè do

- A. có diện tích đất badan lớn nhất nước.
- B. có nhiều cao nguyên với mặt bằng rộng.
- C. có một mùa đông lạnh nhiệt độ thấp.
- D. khí hậu có sự phân hoá theo độ cao.

Câu 62. So với miền Bắc, thì miền Trung nước ta có lũ quét xảy ra

- A. sớm hơn.
- B. nhiều hơn.
- C. muộn hơn.
- D. ít hơn.

Câu 63. Hướng phát triển nông theo chiều sâu có ý nghĩa quan trọng hàng đầu ở vùng Đông Nam Bộ là

- A. đa dạng hoá sản phẩm nông nghiệp.
- B. giải quyết tốt vấn đề nước ngọt.
- C. giải quyết tốt vấn đề thủy lợi.
- D. thay đổi cơ cấu cây trồng.

Câu 64. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế của nước ta từ năm 2000 đến năm 2007 thay đổi theo hướng:

- A. Khu vực Nhà nước luôn có tỉ trọng nhỏ nhất.
- B. Tỉ trọng khu vực Nhà nước và ngoài Nhà nước giảm.
- C. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài luôn có tỉ trọng lớn nhất.
- D. Tỉ trọng khu vực Nhà nước tăng, ngoài Nhà nước giảm.

Câu 65. Yếu tố quan trọng nhất đảm bảo cho sự phát triển ổn định của cây công nghiệp ở nước ta là

- A. lao động có nhiều kinh nghiệm sản xuất.
- B. điều kiện tự nhiên thuận lợi.
- C. tiến bộ của khoa học kĩ thuật.
- D. thị trường tiêu thụ.

Câu 66. Vấn đề cần chú ý đầu tiên trong việc phát triển đàn gia súc ở nước ta là

- A. đảm bảo chất lượng con giống.
- B. phát triển thêm các đồng cỏ.

C. giá thành sản phẩm còn cao.

D. nắm được nhu cầu của thị trường.

Câu 67. Để thực hiện mục tiêu hội nhập kinh tế quốc tế, loại hình giao thông cần được đẩy mạnh phát triển là

A. đường ô tô.

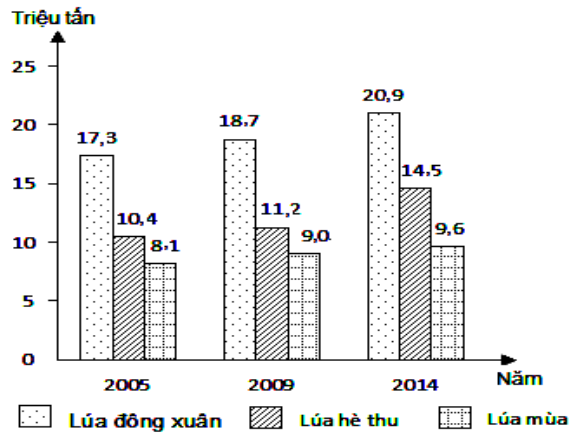
B. đường sắt.

C. đường biển.

D. đường sông.

Câu 68. Cho biểu đồ:

SẢN LƯỢNG LÚA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 – 2014



Nhận xét nào sau đây **không** đúng về sản lượng lúa nước ta giai đoạn 2005 – 2014 ?

A. Sản lượng lúa đông xuân tăng nhiều nhất.

B. Sản lượng lúa các vụ không đồng đều.

C. Sản lượng lúa hè thu tăng liên tục.

D. Sản lượng lúa mùa tăng ít nhất.

Câu 69. Vùng có kinh tế trang trại phát triển nhất nước ta là

A. Đông Nam Bộ.

B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Đồng bằng sông Cửu Long.

D. Tây Nguyên.

Câu 70. Nguyên nhân quan trọng nhất khiến cho khu vực trung du và miền núi nước ta còn gặp nhiều khó khăn trong phát triển công nghiệp là

A. kết cấu hạ tầng yếu kém, nhất là giao thông.

B. thị trường tiêu thụ bị cạnh tranh cao.

C. nguồn tài nguyên thiên nhiên hạn chế.

D. thiếu nguồn lao động có tay nghề.

Câu 71. Điều kiện ít hấp dẫn nhất đối với các nhà đầu tư nước ngoài vào công nghiệp ở nước ta là

A. thị trường tiêu thụ sản phẩm.

B. chính sách phát triển công nghiệp.

C. dân cư và nguồn lao động đông.

D. cơ sở hạ tầng vật chất kĩ thuật.

Câu 72. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với việc phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ ?

A. Các hệ thống sông suối có trữ năng thủy điện khá lớn.

B. Các nhà máy thủy điện công suất lớn đã xây dựng trên các sông chính.

C. Việc phát triển thủy điện của vùng không ảnh hưởng đến môi trường.

D. Nhiều nhà máy thủy điện nhỏ đã và đang được xây dựng trên các phụ lưu của các sông.

Câu 73. Nhân tố tự nhiên gây nhiều khó khăn cho sản xuất nông nghiệp ở Tây Nguyên là

A. mùa khô kéo dài và sâu sắc.

B. địa hình có sự phân bậc.

C. chịu ảnh hưởng của sương muối, sương giá.

D. sông ngòi ngắn và dốc.

Câu 74. Cho bảng số liệu:

MỘT SỐ MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ YẾU CỦA NƯỚC TA (Đơn vị: triệu tấn)

<div>Năm</div> <div>Mặt hàng</div>	2010	2012	2013	2014	2015
Dầu thô	8,1	9,3	8,4	9,3	9,2
Than đá	19,9	15,2	12,8	7,3	1,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB thống kê, 2016)

Nhận xét nào sau đây đúng về một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của nước ta ?

- A. Sản lượng xuất khẩu dầu thô luôn lớn hơn than đá.
- B. Sản lượng xuất khẩu dầu thô không ổn định.
- C. Sản lượng xuất khẩu dầu thô tăng liên tục.
- D. Sản lượng xuất khẩu than đá luôn lớn hơn dầu thô.

Câu 75. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 – 2015. (Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2005	2009	2010	2014
Tổng	3 466,8	4 870,3	5 142,7	6 333,2
Khai thác	1 987,9	2 280,5	2 414,4	2 920,4
Nuôi trồng	1 478,9	2 589,8	2 728,3	3 412,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, 2015, NXB Thống kê, 2016)

Sau khi đã xử lý số liệu, biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu sản lượng thủy sản của nước ta phân theo các hoạt động khai thác và nuôi trồng, giai đoạn 2005 – 2014 là biểu đồ

- A. Cột chồng.
- B. Đường.
- C. Miền.
- D. Tròn.

Câu 76. Đặc điểm nổi bật về phân hóa lãnh thổ công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận là có

- A. mức độ tập trung công nghiệp vào loại cao nhất nước.
- B. nhiều trung tâm công nghiệp có quy mô lớn nhất nước.
- C. nhiều trung tâm công nghiệp với giá trị sản lượng cao nhất nước.
- D. các trung tâm công nghiệp lớn phân bố ở ven biển.

Câu 77. Ngành được chú trọng nhất trọng định hướng phát triển các ngành dịch vụ của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc là

- A. tài chính.
- B. thương mại.
- C. giao thông vận tải.
- D. du lịch.

Câu 78. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về vị trí địa lý của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ ?

- A. Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.
- B. Cầu nối giữa Đông Nam Bộ và Bắc Trung Bộ.
- C. Tiếp giáp với Biển Đông rộng lớn.
- D. Cửa ngõ ra biển của vùng Tây Nguyên.

Câu 79. Sự phân chia thành 2 miền khí hậu ở nước ta chủ yếu dựa trên sự khác nhau về

- A. biên độ nhiệt độ và lượng mưa.
- B. biên độ nhiệt độ và độ ẩm.
- C. nền nhiệt độ và biên độ nhiệt độ.
- D. nền nhiệt độ và lượng mưa.

Câu 80. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về tình hình phát triển của ngành du lịch nước ta, giai đoạn 1995 – 2007 ?

- A. Khách quốc tế năm 2007 tăng gấp 3 lần so với năm 1995.
- B. Khách nội địa tăng chậm hơn khách quốc tế.
- C. Khách nội địa tăng nhanh hơn khách quốc tế.
- D. Doanh thu năm 2007 tăng 700% so với năm 1995.

-----HẾT-----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.